

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 196/2025/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 7 năm 2025

Về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nam Hải,

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thức,

Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh.

- Thư ký viên Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/202/HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 987/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 1069/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự: Nguyên đơn: bà **Vũ Thị Kim L**, số CCCD: 079187033547 (có mặt tại phiên tòa). Địa chỉ: A H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Nơi cư trú: B L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Bị đơn: ông **Bùi Xuân P**, số CCCD: 079087030528 (vắng mặt tại phiên tòa). Địa chỉ: A H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Nơi cư trú: B L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu ly hôn và trình bày của đương sự tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Vũ Thị Kim L và bị đơn ông Bùi Xuân P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 172/2010, quyển số 01/2010, ngày 01/9/2010 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong thời gian chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có hai con chung là: Bùi Gia K, nam, sinh ngày 04/10/2011 và Bùi Gia P1, nam, sinh ngày 13/5/2014.

Sau khi đăng ký kết hôn, thời gian đầu giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng thời gian sau này hai bên phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp; không còn tiếng nói chung; cả hai bên không còn quan tâm, chăm sóc nhau dù cả hai còn cùng chung sống một nhà. Đến tháng

10/2024, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân dù còn chung sống một nhà.

Nguyên đơn nhận thấy cuộc hôn nhân không đạt mục đích, xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết: được ly hôn với ông Bùi Xuân P; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Bùi Gia K, nam, sinh ngày 04/10/2011 và Bùi Gia P1, nam, sinh ngày 13/5/2014; cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết; tài sản chung và nợ chung không có.

** Bị đơn ông Bùi Xuân P:*

Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án hôn nhân, gia đình số 65/2025/TB-TLVA ngày 19 tháng 02 năm 2025; giấy triệu tập tự khai; hai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Bùi Xuân P đều vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như trên.
- Bị đơn vắng mặt, không có yêu cầu phản tố.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh

tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tổng đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung vụ án:

Qua kết quả phân thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, việc thu thập, thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng.

Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn: hai bên đương sự mâu thuẫn và thực tế đã ly thân; không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; thể hiện cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: bà Vũ Thị Kim L được ly hôn đối với ông Bùi Xuân P.

Về quan hệ con chung: giao bà Vũ Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, giáo dục 02 con chung là: Bùi Gia K, nam, sinh ngày 04/10/2011 và Bùi Gia P1, nam, sinh ngày 13/5/2014, cho đến khi hai trẻ lần lượt thành niên. Cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và về nợ chung: ông Bùi Xuân P vắng mặt tại phiên tòa nên không xem xét giải quyết tài sản chung, nợ chung của bà Vũ Thị Kim L và ông Bùi Xuân P.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về đơn khởi kiện:

Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị Kim L thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

à Vũ Thị Kim L và ông Bùi Xuân P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 172/2010, quyển số 01/2010, ngày 01/9/2010 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); bị đơn hiện cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, nên tranh chấp trong vụ án là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Việc vắng mặt của bị đơn ông Bùi Xuân P tại phiên toà:

Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng đối với ông Bùi Xuân P, nhưng ông Bùi Xuân P đều vắng mặt tại các phiên toà, nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung vụ án:*

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thị Kim L và ông Bùi Xuân P có quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo trình bày của nguyên đơn, sau khi kết hôn một thời gian hai bên phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, cả hai đã ly thân dù cả hai đang còn cùng chung sống một nhà, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Như vậy, trong quá trình chung sống vợ chồng, giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đương sự không tự hoà giải đoàn tụ được; do vậy trường hợp của nguyên đơn được ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ con chung:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn cùng với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án thu thập, thể hiện, trong quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là: Bùi Gia K, nam, sinh ngày 04/10/2011 và Bùi Gia P1, nam, sinh ngày 13/5/2014.

Nguyên đơn trình bày có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung chưa thành niên là: Bùi Gia K, nam, sinh ngày 04/10/2011 và Bùi Gia P1, nam, sinh ngày 13/5/2014 và hiện hai con chung chưa thành niên vẫn đang được bà L chăm sóc, giáo dục. Hội đồng xét xử xét, giao hai con chung chưa thành niên là Bùi Gia K, nam, sinh ngày 04/10/2011 và Bùi Gia P1, nam, sinh ngày 13/5/2014 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp pháp luật và phù hợp nguyện vọng của hai trẻ K, P1.

Về cấp dưỡng nuôi con: nguyên đơn trình bày về cấp dưỡng nuôi hai con chung hai bên tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận; trường hợp các bên không thỏa thuận được về cấp dưỡng nuôi con chung, các bên được quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung và về nợ chung:

Bà Vũ Thị Kim L tự khai không có tài sản chung và nợ chung; ông Bùi Xuân P vắng mặt tại phiên toà nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Vũ Thị Kim L chịu án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà Vũ Thị Kim L đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 95, 96, 97, 98, khoản 1 Điều 227, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 189, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 8, 9, 51 của Luật hôn nhân và gia đình;

Luật thi hành án dân sự;

Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Xét:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Vũ Thị Kim L.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thị Kim L được ly hôn với ông Bùi Xuân P.

2. Về quan hệ con chung:

Bà Vũ Thị Kim L và ông Bùi Xuân P có hai con chung đã thành niên là: Bùi Gia K, nam, sinh ngày 04/10/2011 và Bùi Gia P1, nam, sinh ngày 13/5/2014.

Giao bà Vũ Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung chưa thành niên là Bùi Gia K, nam, sinh ngày 04/10/2011 và Bùi Gia P1, nam, sinh ngày 13/5/2014 cho đến khi hai trẻ lần lượt thành niên.

Về việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chung:

Hai bên đương sự phải tạo mọi điều kiện cho nhau để thăm nom con và việc thăm nom con cũng không được ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường và học tập của trẻ; trường hợp có sự thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ thì hai bên đương sự phải có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản

lý nhà nước về trẻ em; hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Cấp dưỡng nuôi con:

Bà Vũ Thị Kim L và ông Bùi Xuân P tự thỏa thuận giải quyết.

Khi có lý do chính đáng, cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ tài sản chung và về nợ chung:

Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung và về nợ chung của bà Vũ Thị Kim L và ông Bùi Xuân P.

5. Về án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm:

Bà Vũ Thị Kim L chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà Vũ Thị Kim L đã tạm nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/24P số 0045869 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh).

Án phí hôn nhân và gia đình đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo:

Bà Vũ Thị Kim L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Bùi Xuân P vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Giấy chứng nhận kết hôn số 172/2010, quyền số 01/2010, ngày 01/9/2010 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TOA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đình Thức Nguyễn Thị Mỹ Linh Lê Nam Hải

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Lê Nam Hải

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 09 giờ 50 phút ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại Phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Nam H,
- *Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Đình T,
- B Nguyễn Thị Mỹ L1.

Đã tiến hành nghị án hồ sơ thụ lý số 65/202/HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 987/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 1069/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Vũ Thị Kim L**, số CCCD: 079187033547 (có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông **Bi Xuân P2**, số CCCD: 079087030528 (vắng mặt tại phiên tòa)

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề sau:

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 95, 96, 97, 98, khoản 1 Điều 227, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 189, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 8, 9, 51 của Luật hôn nhân và gia đình; Luật thi hành án dân sự; Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Biểu quyết:

.....

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị Kim L.

Biểu quyết:

.....

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kim L được ly hôn với bị đơn ông Bùi Xuân P.

Biểu quyết:

.....

2.2. Về quan hệ con chung:

Bà Vũ Thị Kim L và ông Bùi Xuân P có hai con chung đã thành niên là: Bùi Gia K, nam, sinh ngày 04/10/2011 và Bùi Gia P1, nam, sinh ngày 13/5/2014.

Giao bà Vũ Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung chưa thành niên là Bùi Gia K, nam, sinh ngày 04/10/2011 và Bùi Gia P1, nam, sinh ngày 13/5/2014 cho đến khi hai trẻ lần lượt thành niên.

Về việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chung:

Hai bên đương sự phải tạo mọi điều kiện cho nhau để thăm nom con và việc thăm nom con cũng không được ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường và học tập của trẻ; trường hợp có sự thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ thì hai bên đương sự phải có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Cấp dưỡng nuôi con: Bà Vũ Thị Kim L và ông Bùi Xuân P tự thoả thuận giải quyết.

Khi có lý do chính đáng, cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biểu quyết:

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết..

Biểu quyết:

3. Về án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm:

Bà Vũ Thị Kim L chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà Vũ Thị Kim L đã tạm nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/24P số 0045869 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh). Án phí hôn nhân và gia đình đã nộp đủ.

Biểu quyết:

4. Quyền kháng cáo:

Bà Vũ Thị Kim L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Bùi Xuân P vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Biểu quyết:

5. Các vấn đề khác:

Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01, ngày 15/01/2001 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết:

Buổi nghị án kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày, các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN